



LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Thi Nghe-Viết-Đọc	Thi Nói	
01-Anh	Phòng 305C1	7h00'	Bắt đầu 13h00' Thí sinh tập trung theo giờ thi trên danh sách dự thi	
02-Anh	Phòng 306C1	7h00'		
03-Anh	Phòng 307C1	7h00'		
04-Anh	Phòng 308C1	7h00'		
01-Pháp	Phòng 304C1	7h00'		

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**, thí sinh thi bảo lưu tập trung theo thời gian môn đăng ký thi trên danh sách
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0022411806	Lê Xuân Ái	Nữ	Kinh	15/10/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000002	0021412049	Nguyễn Phạm Vân Anh	Nữ	Kinh	21/12/1995	Đồng Tháp	P.305-C1		12h30'		
3	000003	0022410557	Nguyễn Thị Hà Anh	Nữ	Kinh	28/5/2001	Đồng Tháp	P.305-C1		12h40'		
4	000004	0022411745	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	06/11/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		12h40'		
5	000005	0022411992	Trần Thị Kim Anh	Nữ	Kinh	23/4/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		12h50'		
6	000006	0021410038	Trần Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	18/4/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		12h50'		
7	000007	0022412151	Nguyễn Gia Bảo	Nam	Kinh	26/10/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h00'		
8	000008	0022411488	Nguyễn Hoài Bảo Châu	Nữ	Kinh	13/5/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h00'		
9	000009	0022411985	Lê Thị Tùng Cúc	Nữ	Kinh	13/6/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h10'		
10	000010	0015411746	Trần Thị Hồng Đào	Nữ	Kinh	03/01/1997	Đồng Tháp	P.305-C1		13h10'		
11	000011	0022412530	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	Kinh	01/3/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h20'		
12	000012	0022411873	Nguyễn Bách Định	Nam	Kinh	19/7/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		13h20'		
13	000013	0022411849	Nguyễn Thành Đức	Nam	Kinh	28/11/2002	Đồng Tháp	P.305-C1		13h30'		
14	000014	0022412083	Lý Trí Dũng	Nam	Kinh	14/01/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h30'		
15	000015	0022410159	Lê Nguyễn Thùy Dương	Nữ	Kinh	28/6/2004	Long An	P.305-C1		13h40'		
16	000016	0022411265	Lê Khánh Duy	Nam	Kinh	31/01/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h40'		
17	000017	0022410880	Lê Quốc Duy	Nam	Kinh	06/3/2004	An Giang	P.305-C1		13h50'		
18	000018	0022410641	Nguyễn Lâm Duy	Nam	Kinh	12/12/2004	Bến Tre	P.305-C1		13h50'		
19	000019	0022411279	Trịnh Ngọc Duy	Nữ	Kinh	01/12/2003	Cà Mau	P.305-C1		14h00'		
20	000020	0022411263	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	Kinh	28/9/2004	An Giang	P.305-C1		14h00'		
21	000021	0021411263	Nguyễn Tấn Hải	Nam	Kinh	29/11/2002	Cần Thơ	P.305-C1		14h10'		
22	000022	0022412077	Đinh Ngọc Hân	Nữ	Kinh	01/02/2004	An Giang	P.305-C1		14h10'		
23	000023	0020411101	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	19/10/2002	Đồng Tháp	P.305-C1		14h20'		
24	000024	0022410970	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	22/8/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		14h30'		

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0015410960	Tạ Thanh Huy	Nam	Kinh	28/12/1996	Kiên Giang	P.306-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000026	0022410122	Văn Dương Quốc Huy	Nam	Kinh	26/10/2004	Đồng Tháp	P.306-C1			12h30'	
3	000027	0022411971	Hoàng Thị Mỹ Huyền	Nữ	Kinh	05/3/2004	Đồng Tháp	P.306-C1			12h40'	
4	000028	0022410959	Cao Thị Thúy Huỳnh	Nữ	Kinh	04/9/2003	Long An	P.306-C1			12h40'	
5	000029	0022412229	Trần Minh Kha	Nam	Kinh	12/7/2004	Cà Mau	P.306-C1			12h50'	
6	000030	0022412732	Nguyễn Gia Khang	Nam	Kinh	07/4/2004	Vĩnh Long	P.306-C1			12h50'	
7	000031	0021412492	Tạ Tấn Khang	Nam	Kinh	05/9/2003	Tiền Giang	P.306-C1			13h00'	
8	000032	0022412577	Võ Duy Khang	Nam	Kinh	11/11/2004	Bạc Liêu	P.306-C1			13h00'	
9	000033	0022410621	Lâm Chí Khanh	Nam	Kinh	25/3/2004	Đồng Tháp	P.306-C1			13h10'	
10	000034	0022411891	Trần Thị Mỹ Khương	Nữ	Kinh	04/7/2004	Cà Mau	P.306-C1			13h10'	
11	000035	0022411415	Huỳnh Nguyễn Tấn Kiệt	Nam	Kinh	26/6/2004	Long An	P.306-C1			13h20'	
12	000036	0021412539	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	08/9/2003	Đồng Tháp	P.306-C1			13h20'	
13	000037	0019410572	Huỳnh Nguyễn Diễm Kiều	Nữ	Kinh	21/11/2000	Đồng Tháp	P.306-C1			13h30'	
14	000038	0022410563	Bùi Thị Hương Lan	Nữ	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp	P.306-C1			13h30'	
15	000039	087186000730	Phạm Thị Phương Lan	Nữ	Kinh	06/6/1986	Đồng Tháp	P.306-C1			13h40'	
16	000040	0022412683	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	Kinh	02/5/2004	Tiền Giang	P.306-C1			13h40'	
17	000041	0022410702	Dương Bảo Lộc	Nam	Kinh	10/01/2004	Đồng Tháp	P.306-C1			13h50'	
18	000042	0022412728	Nguyễn Đình Lộc	Nam	Kinh	04/10/2003	Tây Ninh	P.306-C1			13h50'	
19	000043	0022411881	Đặng Phùng Hà My	Nữ	Kinh	10/6/2004	Bến Tre	P.306-C1			14h00'	
20	000044	0022412719	Lê Hiền Quế My	Nữ	Kinh	19/11/2004	Tây Ninh	P.306-C1			14h00'	
21	000045	0022411658	Nguyễn Lê Hoàn Mỹ	Nữ	Kinh	24/6/2004	Vĩnh Long	P.306-C1			14h10'	
22	000046	0022411487	Lê Hải Nam	Nam	Kinh	10/10/2004	Đồng Tháp	P.306-C1			14h10'	
23	000047	0022411326	Phạm Văn Nam	Nam	Kinh	06/12/2004	Kiên Giang	P.306-C1			14h20'	
24	000048	0022410622	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	02/01/2003	Đồng Tháp	P.306-C1			14h30'	

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0022412255	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	10/5/2004	Vĩnh Long	P.307-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000050	0017410202	Tổng Thị Bội	Ngân	Nữ	Kinh	13/10/1999	Tiền Giang	P.307-C1		12h30'		
3	000051	0022412679	Tô Huỳnh Mẫn	Nghi	Nữ	Kinh	08/11/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h40'		
4	000052	0022411159	Lê Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	Kinh	26/8/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		12h40'		
5	000053	0022412014	Nguyễn Châu	Ngọc	Nữ	Kinh	11/11/2004	Tiền Giang	P.307-C1		12h50'		
6	000054	0022411856	Nguyễn Võ Quốc	Nguyễn	Nam	Kinh	15/8/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		12h50'		
7	000055	0022412176	Đỗ Võ Yến	Nhi	Nữ	Kinh	29/5/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h00'		
8	000056	0022411371	Huỳnh Thị Thanh	Nhi	Nữ	Kinh	26/5/2004	Bến Tre	P.307-C1		13h00'		
9	000057	0022410064	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	22/6/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h10'		
10	000058	0022410128	Võ Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	03/8/2004	Bến Tre	P.307-C1		13h10'		
11	000059	0021410615	Ngô Thị Hồng	Nho	Nữ	Kinh	08/9/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h20'		
12	000060	0022411020	Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	03/10/2003	Tiền Giang	P.307-C1		13h20'		
13	000061	0022410674	Lâm Nguyễn Tâm	Như	Nữ	Kinh	14/10/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h30'		
14	000062	0022411689	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	30/8/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h30'		
15	000063	0022410731	Nguyễn Thị Mộng	Như	Nữ	Kinh	08/7/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h40'		
16	000064	0022410587	Nguyễn Trịnh Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h40'		
17	000065	0022412532	Huỳnh Văn	Nhựt	Nam	Kinh	28/10/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h50'		
18	000066	0022412346	Nguyễn Thái	Nhựt	Nam	Kinh	19/3/2004	An Giang	P.307-C1		13h50'		
19	000067	0022410649	Lê Thị Hoàng	Oanh	Nữ	Kinh	01/9/2004	Bến Tre	P.307-C1		14h00'		
20	000068	0022412464	Nguyễn Thị Hồng	Phần	Nữ	Kinh	23/9/2003	Tiền Giang	P.307-C1		14h00'		
21	000069	0022412269	Lâm Thị	Phận	Nữ	Kinh	05/9/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		14h10'		
22	000070	0022412277	Phạm Tấn	Phát	Nam	Kinh	04/4/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		14h10'		
23	000071	0022410202	Trần Song Vĩnh	Phúc	Nam	Kinh	23/4/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		14h20'		
24	000072	0022410450	Phạm Minh	Quân	Nam	Kinh	04/11/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		14h30'		

Phòng
tập
trung
chờ
thi:
308-
C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	Địa điểm
											Giờ thi	
1	000073	0022410065	Trương Văn Đức	Quy	Nam	Kinh	29/4/2003	Đồng Tháp	P.308-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000074	0022410945	Nguyễn Thanh	Quý	Nam	Kinh	18/01/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		12h30'	
3	000075	0021411685	Trần Tú	Quyên	Nữ	Kinh	11/9/2001	Kiên Giang	P.308-C1		12h40'	
4	000076	0022410509	Phan Tấn	Sang	Nam	Kinh	05/7/2003	Đồng Tháp	P.308-C1		12h40'	
5	000077	0022410188	Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	Kinh	27/11/2004	Long An	P.308-C1		12h50'	
6	000078	0022411236	Phạm Ngọc	Thắm	Nam	Kinh	16/01/2003	Long An	P.308-C1		12h50'	
7	000079	0022412055	Lê Văn Phước	Thanh	Nam	Kinh	21/01/2003	Bến Tre	P.308-C1		13h00'	
8	000080	0022410708	Đỗ Trương Thu	Thảo	Nữ	Kinh	25/02/2004	Bến Tre	P.308-C1		13h00'	
9	000081	0022411954	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	12/11/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h10'	
10	000082	0022412639	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	18/01/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h10'	
11	000083	0022412201	Nguyễn Ngọc	Thị	Nữ	Kinh	09/01/2002	Đồng Tháp	P.308-C1		13h20'	
12	000084	0022410540	Võ Trần Thuận	Thiên	Nam	Kinh	02/5/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h20'	
13	000085	0022412339	Trần Hoàng	Thông	Nam	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h30'	
14	000086	0022412392	Nguyễn Đăng	Thuần	Nam	Kinh	29/9/2004	Cà Mau	P.308-C1		13h30'	
15	000087	0022410039	Võ Ngọc Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	01/01/2004	Bến Tre	P.308-C1		13h40'	
16	000088	0022412482	Tô Thành	Tín	Nam	Kinh	29/4/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h40'	
17	000089	0022411355	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h50'	
18	000090	0022410419	Nguyễn Thị Nhã	Trần	Nữ	Kinh	03/8/2004	Bến Tre	P.308-C1		13h50'	
19	000091	0022412391	Nguyễn Thị Quế	Trần	Nữ	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		14h00'	
20	000092	0021410956	Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	Kinh	12/8/2002	Đồng Tháp	P.308-C1		14h00'	
21	000093	0022410582	Bùi Minh Gia	Tuệ	Nữ	Kinh	08/3/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		14h10'	
22	000094	0022411683	Đặng Thị Hồng	Vân	Nữ	Kinh	04/3/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		14h10'	
23	000095	0022411431	Mai Ngọc	Vân	Nữ	Kinh	08/5/2004	Bến Tre	P.308-C1		14h20'	
24	000096	0022411407	Nguyễn Trọng	Vĩ	Nam	Kinh	18/6/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		14h20'	
25	000097	0022410991	Võ Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	15/9/2004	Bạc Liêu	P.308-C1		14h30'	
26	000098	0022412359	Nguyễn Trần Hoàng	Long	Nam	Kinh	20/9/2004	Đồng Tháp	BL	BL	BL	14h30'
27	000099	0022411377	Lê Gia	Thịnh	Nam	Kinh	13/11/2004	Đồng Tháp	BL	P.308-C1	BL	14h40'
28	000100	0022412153	Lê Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	27/10/2002	Đồng Tháp	BL	P.308-C1	BL	14h40'
29	000101	0022410547	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	29/02/2004	Đồng Tháp	P.308-C1	P.308-C1	P.308-C1	BL

Tổng số thí sinh: 29



Khóa 04, ngày 16/8/2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG PHÁP **THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)**

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0022412465	Nguyễn Hồ Bình	An	Nam	Kinh	06/11/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000002	0022411601	Trần Ngọc Huỳnh	Anh	Nữ	Kinh	09/12/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		12h30'		
3	000003	0022410263	Nguyễn Hà	Huy	Nam	Kinh	14/8/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		12h40'		
4	000004	087078026046	Võ Minh	Lâm	Nam	Kinh	20/8/1978	Đồng Tháp	P.304-C1		12h40'		
5	000005	0022411390	Nguyễn Phương Kim	Ngân	Nữ	Kinh	18/5/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		12h50'		
6	000006	087074013464	Phan Ngọc	Thạch	Nam	Kinh	28/9/1974	Đồng Tháp	P.304-C1		12h50'		
7	000007	0022411678	Lê Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	24/8/2004	Tiền Giang	P.304-C1		13h00'		
8	000008	0022412581	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	Nữ	Kinh	04/5/2004	Nghệ An	P.304-C1		13h00'		
9	000009	0022411509	Huỳnh Anh	Thư	Nữ	Kinh	07/12/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		13h10'		
10	000010	0021410871	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	01/7/2003	Bến Tre	P.304-C1		13h10'		
11	000011	0022412419	Trần Anh	Thư	Nữ	Kinh	30/7/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		13h20'		
12	000012	040080020111	Ngô Phương	Thủy	Nam	Kinh	18/02/1980	TP. HCM	P.304-C1		13h20'		
13	000013	0021410906	Nguyễn Ngọc Lan	Tiên	Nữ	Kinh	05/7/2002	Đồng Tháp	P.304-C1		13h30'		
14	000014	0022411331	Nguyễn Ngọc Nhã	Trang	Nữ	Kinh	28/12/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		13h30'		
15	000015	0021413473	Nguyễn Phạm Thảo	Trúc	Nữ	Kinh	07/3/2003	Đồng Tháp	P.304-C1		13h40'		
16	000016	0022410820	Lê Thị Mỹ	Tuyên	Nữ	Kinh	04/5/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		13h40'		
17	000017	0022411933	Đặng Nguyễn Yến	Vy	Nữ	Kinh	08/11/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		13h50'		
18	000018	0022411462	Huỳnh Nguyễn Ngọc Như Ý		Nữ	Kinh	02/12/2004	Đồng Tháp	P.304-C1		13h50'		
19	000019	0022411977	Trần Như	Ý	Nữ	Kinh	19/10/2003	Kiên Giang	P.304-C1		14h00'		

Tổng số thí sinh: 19